# Bài trắc nghiệm Hóa học - I.1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

**Câu 1** **Khi tìm hiểu về môi trường sống của thực vật, bạn Mai quan sát và phân loại được 2 nhóm: thực vật sống trong môi trường nước và thực vật sống ở môi trường trên cạn. Bạn Mai đã sử dụng kĩ năng nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?**

A. Kĩ năng dự báo.

B. Kĩ năng quan sát, phân loại.

C. Kĩ năng liên kết.

D. Kĩ năng đo.

**Câu 2** **Trong giờ thực hành thí nghiệm, bạn An dùng cân để xác định khối lượng của một túi muối và ghi kết quả vào bảng. Bạn An đã sử dụng kĩ năng nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?**

A. Kĩ năng quan sát.

B. Kĩ năng phân loại.

C. Kĩ năng đo.

D. Kĩ năng dự báo.

**Câu 3** **Bạn Lan dự đoán: "Muối ăn tan trong nước, còn cát không tan trong nước". Để kiểm tra dự đoán, Lan cho một lượng muối ăn và cát vào hai cốc nước, khuấy đều rồi quan sát và ghi lại kết quả. Theo tiến trình tìm hiểu tự nhiên, Lan đang thực hiện bước nào?**

A. Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu.

B. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán.

C. Thực hiện kế hoạch kiểm tra dự đoán.

D. Kết luận.

**Câu 4** **Từ việc quan sát sự lớn lên ở cây cà chua, Mai dự đoán: Cây lớn lên nhờ sự tăng lên về số lượng và kích thước của tế bào trong cây. Để kiểm tra dự đoán này, theo tiến trình tìm hiểu tự nhiên thì bạn Mai cần thực hiện bước tiếp theo là gì?**

A. Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu.

B. Thực hiện kế hoạch.

C. Kết luận.

D. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán.

**Câu 5** **Đơn vị của khối lượng nguyên tử là:**

A. amu.

B. m.

C. mL.

D. L.

**Câu 6** **Cách viết đúng khi ghi khối lượng của một nguyên tử carbon:**

A. 12 kg.

B. 12 g.

C. 12 amu.

D. 12 mol.

**Câu 7** **Nguyên tố hoá học là tập hợp những nguyên tử có cùng**

A. số neutron trong hạt nhân.

B. số proton trong hạt nhân.

C. số lớp electron.

D. số electron ở lớp ngoài cùng.

**Câu 8** **Phát biểu nào sau đây đúng về cách ghi kí hiệu hoá học?**

A. Kí hiệu hoá học của mỗi nguyên tố luôn gồm hai chữ cái.

B. Tất cả các chữ cái trong kí hiệu hoá học đều viết thường.

C. Kí hiệu hoá học chỉ dùng cho các nguyên tố kim loại.

D. Chữ cái đầu tiên viết hoa, chữ cái thứ hai (nếu có) viết thường.

**Câu 9** **Kí hiệu hoá học của nguyên tố helium là:**

A. HE.

B. He.

C. he.

D. hE.

**Câu 10** **Kí hiệu hoá học của nguyên tố aluminium là:**

A. al.

B. AL.

C. Al.

D. aL.

**Câu 11** **Hợp chất là chất được tạo nên từ:**

A. một nguyên tố hoá học.

B. hai nguyên tố hoá học trở lên.

C. hai hay nhiều loại nguyên tử.

D. một hay nhiều phân tử.

**Câu 12** **Đơn chất là chất được tạo nên từ:**

A. một nguyên tố hoá học.

B. hai nguyên tố hoá học trở lên.

C. hai hay nhiều loại nguyên tử.

D. một hay nhiều phân tử.

**Câu 13** **Cho các chất: $O_2$, $H_2O$, Fe, $CO_2$. Cách phân loại nào sau đây đúng?**

A. Đơn chất: $O_2$, Fe; hợp chất: $H_2O$, $CO_2$.

B. Đơn chất: $H_2O$, $CO_2$; hợp chất: $O_2$, Fe.

C. Đơn chất: $O_2$, $H_2O$; hợp chất: Fe, $CO_2$.

D. Đơn chất: Fe, $CO_2$; hợp chất: $O_2$, $H_2O$.

**Câu 14** **Cho các chất hydrogen ($H_2$) và nước ($H_2O$). Cách phân loại nào sau đây đúng?**

A. $H_2$ và $H_2O$ đều là đơn chất.

B. $H_2$ là đơn chất, $H_2O$ là hợp chất.

C. $H_2$ là hợp chất, $H_2O$ là đơn chất.

D. $H_2$ và $H_2O$ đều là hợp chất.

**Câu 15** **Trong phân tử $H_2$, liên kết cộng hoá trị được hình thành do:**

A. Hai nguyên tử hydrogen dùng chung một cặp electron.

B. Một nguyên tử hydrogen nhường một electron cho nguyên tử còn lại.

C. Hai nguyên tử hydrogen dùng chung hai cặp electron.

D. Hai nguyên tử hydrogen trao đổi proton cho nhau.

**Câu 16** **Trong phân tử $O_2$, liên kết được hình thành do sử dụng chung hai cặp electron giữa hai nguyên tử O. Liên kết đó là:**

A. Liên kết ion.

B. Liên kết kim loại.

C. Liên kết hydrogen.

D. Liên kết cộng hoá trị.

**Câu 17** **Liên kết ion được hình thành do:**

A. dùng chung một hoặc nhiều cặp electron giữa các nguyên tử.

B. lực hút giữa các ion mang điện tích trái dấu.

C. dùng chung proton giữa các nguyên tử.

D. chuyển neutron từ nguyên tử này sang nguyên tử khác.

**Câu 18** **Khi hình thành liên kết ion trong phân tử NaCl, nguyên tử Na nhường 1 electron, đồng thời nguyên tử Cl nhận 1 electron vào lớp electron ngoài cùng. Kết quả là:**

A. tạo thành ion $Na^+$ và ion $Cl^-$.

B. tạo thành ion $Na^-$ và ion $Cl^+$.

C. tạo thành hai ion $Na^+$ và $Cl^+$.

D. tạo thành hai ion $Na^-$ và $Cl^-$.

**Câu 19** **Cho hai chất: muối ăn NaCl và oxygen $O_2$. Nhận xét nào sau đây đúng?**

A. NaCl thường là chất rắn ở điều kiện thường, $O_2$ là chất khí.

B. NaCl và $O_2$ đều là chất rắn ở điều kiện thường.

C. NaCl và $O_2$ đều là chất khí ở điều kiện thường.

D. NaCl là chất khí, còn $O_2$ là chất rắn ở điều kiện thường.

**Câu 20** **Phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị?**

A. Chất ion thường có nhiệt độ nóng chảy cao, còn chất cộng hoá trị phân tử thường có nhiệt độ nóng chảy thấp hơn.

B. Chất ion và chất cộng hoá trị phân tử đều dẫn điện tốt ở trạng thái rắn.

C. Chất cộng hoá trị phân tử thường có nhiệt độ nóng chảy cao hơn chất ion.

D. Chất ion và chất cộng hoá trị phân tử có tính chất vật lí giống nhau.

**Câu 21** **Cho hợp chất $CaCO_3$, biết Ca = 40 amu, C = 12 amu và O = 16 amu. Phần trăm khối lượng nguyên tố Ca trong $CaCO_3$ là:**

A. 20%.

B. 40%.

C. 48%.

D. 56%.

**Câu 22** **Cho hợp chất $MgSO_4$, biết Mg = 24 amu, S = 32 amu và O = 16 amu. Phần trăm khối lượng nguyên tố Mg trong $MgSO_4$ là:**

A. 20%.

B. 40%.

C. 48%.

D. 56%.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

**Luyện thêm cùng khóa học:**

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

**diemdanh.app**